

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2020/QĐXXST-HN ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 233/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Phạm Bạch M, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 01, ấp A, xã Ph, thị xã T, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Anh Trần Thanh H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà 202/A, đường Nguyễn Thị Định, khóm L, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị M có mặt tại phiên tòa; Anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Phạm Bạch M trình bày: Năm 2009, chị M và anh Trần Thanh H tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110/2010, quyển số I/2010, ngày 22/12/2010. Sau khi kết hôn, chị M và anh H sống chung gia đình chị M tại ấp A, xã V, thị xã T cho đến tháng 01/2020 anh H về sinh sống chung gia đình cha mẹ

ruột anh H tại khóm L, phường H, thị xã T cho đến nay. Thời gian đầu, chị M và anh H sống chung hạnh phúc đến năm 2012 (sau khi sinh cháu T), vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, không phụ giúp nuôi con chung, vợ chồng hay cãi vã nhau, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và sống xa nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay. Từ khi sống xa nhau, anh H có về thăm cháu T nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau. Hiện tại, tình cảm của chị M đối với anh H không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị M và anh H có 01 con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 02/02/2012. Chị M yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 244/TB-TLVA ngày 18/5/2020 cho anh Trần Thanh H biết về việc chị Trần Phạm Bạch M khởi đơn kiện ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của anh H đối với yêu cầu của chị M và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh H gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 13/7/2020, Tòa án ban hành Thông báo số 509/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Trần Thanh H được biết nhưng anh H không gửi văn bản ghi ý kiến của anh H cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh H vắng mặt, chị M kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ xã V, thị xã T; Biên bản xác minh Ban ấp A, xã V, thị xã T; Biên bản xác minh Công an phường Long Hưng, thị xã Tân Châu; Biên bản xác minh (ghi lời khai) của bà Trần Thị T (mẹ ruột anh H); Biên bản ghi nhận ý kiến cháu Trần Quốc T. Cụ thể:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Phú Vĩnh và Ban ấp A, xã V, thị xã T cho biết: Chị Trần Phạm Bạch M và anh Trần Thanh H kết hôn khoảng gần 10 năm nay. Sau khi kết hôn, chị M và anh H thường xuyên sinh sống tại ấp A, xã V, thị xã T. Quá trình chung sống chị M và anh H có mâu thuẫn như thế nào thì Ban ấp và Hội Phụ nữ không biết. Chị M và anh H có 01 con chung tên Trần Quốc T, sinh năm 2012. Hiện cháu T do chị M trực tiếp nuôi dạy tốt, đi học đúng độ tuổi. Riêng anh H đã trở về phường Long Hưng, thị xã Tân Châu sinh sống từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị M và gia đình có nguồn thu nhập ổn định từ việc mua bán tạp hóa và làm ruộng.

- Công an phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cung cấp: Trần Thanh H, sinh năm 1990, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm C, phường

H, thị xã T, tỉnh An Giang chung với chủ hộ bà Trần Thị T (mẹ ruột của anh H) theo số hộ khẩu 5125. Hiện nay anh H sinh sống thường xuyên tại địa phương.

- Bà Trần Thị T (mẹ ruột anh H) khai: Trần Phạm Bạch M và Trần Thanh H tự tìm hiểu, yêu thương nhau năm 2009, đi đến hôn nhân năm 2010. Quá trình chung sống, vợ chồng M, H có mâu thuẫn như thế nào thì bà T không biết. M và H sống bên gia đình M. Khoảng đầu tháng 01/2020, H trở về sinh sống thường xuyên với bà T tại địa phương, bà T được biết nguyên nhân H về nhà bà T sinh sống là do H và M mâu thuẫn nhau, H ghen với M (H chỉ nghi ngờ M có mối quan hệ tình cảm bên ngoài nhưng không có chứng cứ cụ thể). Mặc dù, H về nhà bà T sinh sống nhưng H thường vào thăm cháu T và cho tiền cháu T sinh hoạt. Trước đây, khoảng 4, 5 năm trước H có chơi game bắn cá (game điện tử) ăn thua bằng tiền nhưng không gây nợ. Hiện nay, H đi làm và không tham gia cờ bạc. H và M có 01 con chung tên Trần Quốc T, sinh năm 2012. Hiện con chung do M đang trực tiếp nuôi dạy. Cháu T được M nuôi dạy tốt và đi học đúng độ tuổi. M và gia đình M có đủ điều kiện về kinh tế. Trong cuộc sống vợ chồng M và H có mâu thuẫn về tình cảm, tính cách.

- Cháu Trần Quốc T khai: Cháu T đang học lớp 2, trường Tiểu học “A Phú Vĩnh” thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Cháu T có nguyện vọng sống chung với chị M, vì được chị M chăm sóc, nuôi dạy, có cuộc sống đầy đủ và được đi học.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, T liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hôn nhân của chị M và anh H là hợp pháp có đăng ký kết hôn năm 2010. Năm 2012, chị M và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, không phụ giúp nuôi con chung, vợ chồng hay cãi vã nhau, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và sống xa nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị M yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ.

Về con chung: Chị M có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Trần Quốc T, sinh ngày 02/02/2012, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu T có nguyện vọng được sống với chị M.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Phạm Bạch M được ly hôn anh Trần Thanh H.

Về con chung: Chị Trần Phạm Bạch M được nuôi dạy cháu Trần Quốc T, sinh ngày 02/02/2012. Anh Trần Thanh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Trần Phạm Bạch M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Phạm Bạch M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh H. Anh H có nơi cư trú: Số nhà 202/A, đường Nguyễn Thị Định, khóm L, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Thanh H được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2009, chị M và anh Trần Thanh H tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110/2010, quyển số I/2010, ngày 22/12/2010, hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị M khai: Sau lễ cưới, chị M và anh H sống chung gia đình chị M tại ấp A, xã V, thị xã T cho đến tháng 01/2020 anh H về sinh sống chung gia đình cha mẹ ruột anh H tại khóm L, phường H, thị xã T cho đến nay. Thời gian đầu, chị M và anh H sống chung hạnh phúc đến năm 2012 (sau khi sinh cháu T), vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, không phụ giúp nuôi con chung, vợ chồng hay cãi vã nhau, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và sống xa nhau

từ tháng 01/2020 cho đến nay. Từ khi sống xa nhau, anh H có về thăm cháu T nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau. Cuộc sống chung giữa chị M và anh H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh H.

Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Phú Vĩnh và Ban ấp A, xã V, thị xã T: Chị M và anh H thường xuyên sinh sống tại ấp A, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống tại địa phương, giữa chị M và anh H có mâu thuẫn như thế nào thì Ban ấp và Hội Phụ nữ không biết.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) bà Trần Thị T (mẹ ruột anh H): Vợ chồng M và H có mâu thuẫn như thế nào thì bà T không biết vì H ít tâm sự với bà T, M và H chủ yếu sống bên gia đình M. Khoảng đầu tháng 01/2020, H trở về sinh sống thường xuyên với bà T tại địa phương, nguyên nhân H về nhà bà T sinh sống là do H và M mâu thuẫn nhau.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị M và anh H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 và sống xa nhau từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, anh H có về thăm con chung nhưng chị M và anh H không nói chuyện với nhau, không tìm đến hàn gắn tình cảm gia đình. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị M và anh H hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh H vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị M và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị M. Xét, cho chị Trần Phạm Bạch M ly hôn với anh Trần Thanh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Trần Quốc T, sinh ngày 02/02/2012; Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản lời khai cháu T có nguyện vọng được sống với chị M vì có cuộc sống đầy đủ và được đi học đúng độ tuổi.

Biên bản xác minh Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Phú Vĩnh và Ban ấp A, xã V, thị xã T: Cháu T do chị M trực tiếp nuôi dạy tốt. Chị M và gia đình chị M là công dân tốt, chấp hành tốt quy định tại địa phương, có nguồn thu nhập ổn định từ việc mua bán tạp hóa và làm ruộng. Cháu T được chăm sóc tốt, đi học đúng độ tuổi, hàng ngày chị M đưa rước cháu T đi học, nhà trường gần nơi chị M và cháu T sinh sống, thuận tiện cho việc cháu T đi học.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) bà Trần Thị T (mẹ ruột anh H): Cháu T do M đang trực tiếp nuôi dạy, được M nuôi dạy tốt và đi học đúng độ tuổi. M và gia đình M có đủ điều kiện về kinh tế.

Xét, chị M yêu cầu được nuôi dạy con chung Trần Quốc T, sinh ngày 02/02/2012, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Trần Phạm Bạch M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Phạm Bạch M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Phạm Bạch M.

Chị Trần Phạm Bạch M được ly hôn với anh Trần Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2010, quyển số I/2010, ngày 22/12/2010, do Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Trần Phạm Bạch M và anh Trần Thanh H không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Trần Phạm Bạch M được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Trần Quốc T, sinh ngày 02/02/2012. Anh Trần Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Phạm Bạch M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Thanh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Phạm Bạch M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0001338 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Trần Phạm Bạch M đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Thanh H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị M là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết